

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 44/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa:

\* Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị L**, sinh năm 1989

\* Bị đơn: Anh **Cà Văn T**, sinh năm 1981

Đều trú tại: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Lưu Thị L và anh Cà Văn T.  
Đều trú tại: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lưu Thị L và anh Cà Văn T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Lưu Thị L và anh Cà Văn T có 02 con chung. Con chung thứ nhất tên là Cà Thị Mai Tr, sinh ngày 26/10/2009; Con chung thứ hai tên là Cà Tuấn A, sinh ngày 23/3/2011 (02 con chung khỏe mạnh và phát triển

bình thường). Chị Lưu Thị L và anh Cà Văn T thỏa thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn giao 02 cháu Cà Thị Mai Tr và Cà Tuấn A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Hai bên thỏa thuận và thống nhất chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lưu Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- **Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- **Về án phí:** Chị Lưu Thị L phải chịu 75.000<sup>d</sup> án phí hôn nhân sơ thẩm; anh Cà Văn T phải chịu 75.000<sup>d</sup> án phí hôn nhân sơ thẩm. Ghi nhận việc chị Lưu Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí vụ án ly hôn với số tiền là 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03760 ngày 24/7/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Lưu Thị L được hoàn trả lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị Lưu Thị L đã nộp đủ án phí.

*Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh + BBGN 1;
- VKSND h B + BBGN 2;
- THADS huyện B 2;
- UBND xã T
- (Nơi đăng ký kết hôn) 1;
- Các đương sự 2;
- Lưu HS, VT 2.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thế Hùng**

